

Số: 1066/QĐ-LTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc cấp Chứng chỉ Tin học trình độ A**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo chương trình giáo dục thường xuyên;

Căn cứ vào kết quả kỳ kiểm tra Chứng chỉ Tin học trình độ A tổ chức ngày 21 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công nhận cho 297 học viên đã đạt kỳ kiểm tra Chứng chỉ Tin học Quốc gia trình độ A tổ chức ngày 21/6/2015 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Các học viên có tên ghi nơi Điều 1 được nhận Chứng chỉ Tin học Quốc gia trình độ A và được hưởng mọi quyền lợi theo qui định.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng và các học viên có tên ghi nơi Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./...*nat*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TTĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
*Tham Hữu Lộc*

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌC TRÌNH ĐỘ A**

**Kỳ kiểm tra tháng 6/2015 - Ngày kiểm tra: 21/6/2015**

(Kèm theo Quyết định số 1066/QĐ-LTT ngày 24 tháng 7 năm 2015  
của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

| STT | MSSV       | HỌ              | TÊN    | Ngày sinh  | NƠI SINH    | LT  | TH   | ĐIỂM TB | XẾP LOẠI   | GHI CHÚ |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|-------------|-----|------|---------|------------|---------|
| 1   | 12D2010003 | Phạm Long       | An     | 29/09/1993 | Nghệ An     | 4.0 | 9.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 2   | 12D3010004 | Lê Bảo          | Anh    | 16/11/1992 | TP.HCM      | 8.0 | 8.5  | 8.3     | Giỏi       |         |
| 3   | 12D2010011 | Trần Văn        | Bảo    | 23/05/1994 | Bình Định   | 8.5 | 9.0  | 8.8     | Giỏi       |         |
| 4   | 13B2050002 | Nguyễn Thị Kim  | Báu    | 09/02/1995 | Bình Định   | 8.5 | 8.0  | 8.3     | Giỏi       |         |
| 5   | 12D3010015 | Lã Văn          | Công   | 20/05/1993 | Vĩnh Phúc   | 8.5 | 9.0  | 8.8     | Giỏi       |         |
| 6   | 13B3080007 | Nguyễn Văn      | Cường  | 16/09/1990 | Thái Nguyên | 4.5 | 7.5  | 6.0     | Trung bình |         |
| 7   | 13B3080008 | Cao Thành       | Danh   | 30/11/1993 | Tây Ninh    | 9.0 | 10.0 | 9.5     | Giỏi       |         |
| 8   | 12D3010031 | Nguyễn Khắc     | Diệp   | 10/10/1994 | Tây Ninh    | 9.5 | 9.5  | 9.5     | Giỏi       |         |
| 9   | 13B3080012 | Võ Hồng         | Dương  | 19/03/1992 | Đồng Nai    | 8.0 | 4.0  | 6.0     | Trung bình |         |
| 10  | 12D3010028 | Lương Minh      | Dương  | 29/02/1992 | Đắk Lắk     | 8.0 | 5.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 11  | 12D2040009 | Lê Thị Minh     | Gương  | 29/11/1994 | TP.HCM      | 9.5 | 7.0  | 8.3     | Giỏi       |         |
| 12  | 12D301D049 | Lê Xuân         | Hải    | 07/05/1993 | Lâm Đồng    | 9.0 | 5.0  | 7.0     | Trung bình |         |
| 13  | 12D301D056 | Đặng Minh       | Hiếu   | 29/08/1994 | Bình Thuận  | 9.0 | 6.0  | 7.5     | Khá        |         |
| 14  | 13B3080031 | Phùng Xương     | Huy    | 29/09/1995 | Đồng Nai    | 9.5 | 8.0  | 8.8     | Giỏi       |         |
| 15  | 12D2010073 | Nguyễn Tấn      | Khang  | 04/10/1994 | Bình Thuận  | 6.0 | 9.0  | 7.5     | Khá        |         |
| 16  | 12D2050036 | Trần Đình Duy   | Khuong | 16/03/1994 | TP.HCM      | 9.5 | 8.5  | 9.0     | Giỏi       |         |
| 17  | 13B2250051 | Phan Bá         | Nguyễn | 20/09/1993 | Thanh Hóa   | 6.0 | 6.0  | 6.0     | Trung bình |         |
| 18  | 12D3010083 | Nguyễn Văn      | Nhạc   | 15/07/1994 | Bến Tre     | 7.0 | 5.0  | 6.0     | Trung bình |         |
| 19  | 12D3010087 | Nguyễn Hoàng    | Nhật   | 27/11/1994 | Bến Tre     | 7.0 | 5.0  | 6.0     | Trung bình |         |
| 20  | 13B3080090 | Nguyễn Văn      | Phong  | 07/02/1995 | Bình Thuận  | 7.5 | 4.0  | 5.8     | Trung bình |         |
| 21  | 12D3010095 | Nguyễn Hồng     | Phúc   | 30/04/1992 | Bến Tre     | 9.0 | 7.0  | 8.0     | Giỏi       |         |
| 22  | 13B3080055 | Nguyễn Minh     | Phương | 16/10/1994 | TP.HCM      | 6.0 | 5.0  | 5.5     | Trung bình |         |
| 23  | 12D301D114 | Nguyễn Thanh    | Quyền  | 18/11/1994 | Bình Thuận  | 7.5 | 4.0  | 5.8     | Trung bình |         |
| 24  |            | Nguyễn Thị Cẩm  | Thạch  | 31/10/1970 | Hà Tĩnh     | 8.5 | 8.5  | 8.5     | Giỏi       |         |
| 25  | 12D2010144 | Nguyễn Sơn      | Thạch  | 14/01/1993 | Tây Ninh    | 6.5 | 6.5  | 6.5     | Trung bình |         |
| 26  | 12D301D136 | Ngô Minh        | Thống  | 09/01/1994 | Bình Định   | 6.0 | 4.0  | 5.0     | Trung bình |         |
| 27  | 13B3080081 | Vũ Minh         | Toàn   | 02/08/1995 | Nghệ An     | 6.0 | 5.0  | 5.5     | Trung bình |         |
| 28  | 12D3010151 | Nguyễn Trọng    | Trí    | 29/11/1994 | TP.HCM      | 9.0 | 5.5  | 7.3     | Trung bình |         |
| 29  | 12D3010181 | Lê Hoài         | Trương | 10/10/1994 | Bình Định   | 9.5 | 6.0  | 7.8     | Khá        |         |
| 30  | 13B2250086 | Nguyễn Minh     | Tuấn   | 06/05/1994 | Bình Định   | 5.5 | 9.0  | 7.3     | Trung bình |         |
| 31  |            | Trần Bạch       | Tuyết  | 20/10/1961 | TP.HCM      | 9.0 | 10.0 | 9.5     | Giỏi       |         |
| 32  | 12D3010172 | Đinh Đức        | Việt   | 26/10/1993 | Ninh Bình   | 8.5 | 7.0  | 7.8     | Khá        |         |
| 33  | 13B2040051 | Nguyễn Duy      | Vũ     | 19/07/1995 | Bình Thuận  | 8.0 | 7.0  | 7.5     | Khá        |         |
| 34  | 12D301D171 | Nguyễn Hoàng    | Vỹ     | 15/07/1994 | Tây Ninh    | 7.0 | 5.5  | 6.3     | Trung bình |         |
| 35  | 12D3010005 | Bùi Thiên       | Ái     | 17/06/1993 | TP.HCM      | 8.0 | 9.5  | 8.8     | Giỏi       |         |
| 36  | 12D301D002 | Nguyễn Hoài     | An     | 19/06/1994 | Đồng Nai    | 5.0 | 8.5  | 6.8     | Trung bình |         |
| 37  | 12D2050001 | Lê Quang        | An     | 24/05/1994 | Quảng Ngãi  | 6.0 | 9.5  | 7.8     | Khá        |         |
| 38  | 12D301D001 | Bùi Thuận       | An     | 14/03/1994 | Bình Thuận  | 7.0 | 6.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 39  | 12D301D004 | Nguyễn Hoàng    | Anh    | 17/10/1994 | TP.HCM      | 6.0 | 4.0  | 5.0     | Trung bình |         |
| 40  | 13B3150001 | Nguyễn Cao Tuấn | Anh    | 28/12/1995 | Quảng Bình  | 8.5 | 8.0  | 8.3     | Giỏi       |         |
| 41  | 12D3010003 | Hà Việt         | Anh    | 12/09/1993 | Phú Thọ     | 8.0 | 7.0  | 7.5     | Khá        |         |
| 42  | 13B3080001 | Mai Trần Tuấn   | Anh    | 22/09/1993 | Quảng Ngãi  | 9.0 | 5.0  | 7.0     | Trung bình |         |
| 43  | 13B2050001 | Tạ Thị Ngọc     | Ánh    | 13/06/1994 | Đồng Nai    | 7.5 | 5.5  | 6.5     | Trung bình |         |
| 44  | 12D3010010 | Tô Thanh        | Bảo    | 04/03/1994 | TP.HCM      | 5.5 | 9.5  | 7.5     | Trung bình |         |

| STT | MSSV       | HỌ             | TÊN   | Ngày sinh  | NƠI SINH          | LT  | TH   | ĐIỂM TB | XẾP LOẠI   | GHI CHÚ |
|-----|------------|----------------|-------|------------|-------------------|-----|------|---------|------------|---------|
| 45  | 12D301Đ009 | Dương Quốc     | Bảo   | 28/09/1993 | Hà Tĩnh           | 6.0 | 7.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 46  | 12D3010009 | Mai Thái       | Bảo   | 14/10/1994 | Đắk Lắk           | 9.0 | 8.0  | 8.5     | Giỏi       |         |
| 47  | 12D3010012 | Lê Văn         | Bình  | 16/03/1992 | Quảng Ngãi        | 7.5 | 6.0  | 6.8     | Trung bình |         |
| 48  | 12D301Đ010 | Nguyễn Như     | Bình  | 04/02/1994 | Huế               | 5.5 | 7.0  | 6.3     | Trung bình |         |
| 49  | 12D3010013 | Trần Thanh     | Bình  | 11/10/1993 | TP.HCM            | 9.0 | 7.0  | 8.0     | Giỏi       |         |
| 50  | 12D2040002 | Trần Phạm Đăng | Bình  | 23/09/1993 | Bà Rịa - Vũng tàu | 5.0 | 7.0  | 6.0     | Trung bình |         |
| 51  | 12D2060003 | Đặng Công      | Bình  | 05/04/1993 | Huế               | 7.0 | 6.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 52  | 13B3080002 | Lâm Thanh      | Bình  | 27/03/1994 | TP.HCM            | 7.0 | 9.0  | 8.0     | Giỏi       |         |
| 53  | 13B3150002 | Nguyễn Thanh   | Bình  | 15/01/1989 | Phú Yên           | 5.0 | 10.0 | 7.5     | Trung bình |         |
| 54  | 13B2050003 | H Muel         | Byã   | 17/04/1994 | Đắk Lắk           | 7.0 | 4.0  | 5.5     | Trung bình |         |
| 55  | 12D2050007 | Nguyễn Hoàng   | Chiến | 26/02/1994 | TP.HCM            | 8.0 | 5.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 56  | 12D301Đ013 | Đỗ Ngọc        | Chung | 20/04/1991 | Thanh Hóa         | 7.0 | 6.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 57  | 11D0060082 | Nguyễn Văn     | Chung | 03/05/1991 | Hà Tĩnh           | 8.0 | 5.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 58  | 12D301Đ014 | Đặng Văn       | Công  | 28/02/1994 | Kiên Giang        | 6.0 | 4.0  | 5.0     | Trung bình |         |
| 59  | 12D3010016 | Nguyễn Thành   | Công  | 05/01/1994 | TP.HCM            | 8.0 | 6.0  | 7.0     | Khá        |         |
| 60  | 11D0060083 | Nguyễn Chí     | Công  | 14/07/1993 | Bình Phước        | 8.0 | 5.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 61  | 12D2060009 | Đặng Thế       | Công  | 13/11/1994 | Nam Định          | 7.5 | 4.0  | 5.8     | Trung bình |         |
| 62  | 13B3080005 | Dương Hữu      | Công  | 21/07/1993 | Bình Thuận        | 7.5 | 5.0  | 6.3     | Trung bình |         |
| 63  | 12D301Đ016 | Nguyễn Cao     | Cường | 02/01/1994 | Quảng Bình        | 7.0 | 5.5  | 6.3     | Trung bình |         |
| 64  | 13B2040005 | Lâm Minh       | Cường | 19/09/1995 | Bình Định         | 6.5 | 5.0  | 5.8     | Trung bình |         |
| 65  | 13B3150027 | Văn Phú        | Cường | 10/09/1993 | Bình Thuận        | 6.0 | 10.0 | 8.0     | Khá        |         |
| 66  | 13B2250016 | Trương Văn     | Đại   | 05/07/1995 | Bình Định         | 6.0 | 10.0 | 8.0     | Khá        |         |
| 67  | 12D2010015 | Bùi Văn        | Dân   | 29/03/1994 | Bình Thuận        | 7.0 | 10.0 | 8.5     | Giỏi       |         |
| 68  | 13B2250017 | Nguyễn Tấn     | Đàn   | 04/04/1994 | Kiên Giang        | 5.0 | 9.0  | 7.0     | Trung bình |         |
| 69  | 12D301Đ036 | Nguyễn Hải     | Đặng  | 12/12/1993 | Ninh Thuận        | 6.0 | 6.0  | 6.0     | Trung bình |         |
| 70  | 12D2010027 | Bùi Châu Duy   | Đặng  | 17/08/1993 | Tiền Giang        | 6.5 | 7.0  | 6.8     | Trung bình |         |
| 71  | 12D2060011 | Nguyễn Văn     | Danh  | 01/01/1994 | Quảng Nam         | 5.0 | 6.0  | 5.5     | Trung bình |         |
| 72  | 12D2010017 | Trần           | Danh  | 14/09/1994 | Đắk Lắk           | 7.0 | 5.0  | 6.0     | Trung bình |         |
| 73  | 12D2010030 | Nguyễn Văn     | Đạt   | 19/06/1994 | Quảng Ngãi        | 8.0 | 4.0  | 6.0     | Trung bình |         |
| 74  | 12D2010031 | Trần Quốc      | Đạt   | 26/09/1994 | Kiên Giang        | 7.5 | 10.0 | 8.8     | Giỏi       |         |
| 75  | 12D301Đ038 | Trần Văn       | Đạt   | 28/10/1994 | TP.HCM            | 7.0 | 9.0  | 8.0     | Giỏi       |         |
| 76  | 12D2050015 | Lê Tiến        | Đạt   | 02/02/1993 | Bình Phước        | 5.0 | 10.0 | 7.5     | Trung bình |         |
| 77  | 12D2050098 | Nguyễn Tiến    | Đạt   | 25/10/1994 | Bến Tre           | 7.0 | 3.0  | 5.0     | Trung bình |         |
| 78  | 12D301Đ020 | Nguyễn Thành   | Diên  | 30/03/1994 | Đồng Nai          | 7.0 | 5.0  | 6.0     | Trung bình |         |
| 79  | 12D301Đ040 | Huỳnh Thanh    | Diệp  | 10/02/1993 | Bình Thuận        | 7.5 | 6.5  | 7.0     | Khá        |         |
| 80  | 12D2010019 | Nguyễn Hoàng   | Dinh  | 25/01/1994 | Tp.HCM            | 6.5 | 5.0  | 5.8     | Trung bình |         |
| 81  | 12D301Đ041 | Nguyễn         | Đinh  | 28/05/1994 | Quảng Nam         | 7.0 | 3.0  | 5.0     | Trung bình |         |
| 82  | 12D3010032 | Nguyễn Quốc    | Đinh  | 05/09/1993 | Bình Định         | 6.5 | 6.5  | 6.5     | Trung bình |         |
| 83  | 12D3010024 | Nguyễn Văn     | Doanh | 11/09/1994 | Bình Phước        | 6.0 | 7.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 84  | 12D3010034 | Hồ Duy         | Đông  | 13/09/1994 | Bình Định         | 7.0 | 7.0  | 7.0     | Khá        |         |
| 85  | 12D301Đ023 | Trần Cung      | Đuẩn  | 25/09/1992 | Đắk Lắk           | 6.5 | 5.0  | 5.8     | Trung bình |         |
| 86  | 12D2050017 | Nguyễn Anh     | Đức   | 06/02/1994 | Nam Định          | 7.5 | 3.5  | 5.5     | Trung bình |         |
| 87  | 12D2040005 | Dương Thị      | Dung  | 13/02/1989 | Đồng Nai          | 7.0 | 4.0  | 5.5     | Trung bình |         |
| 88  | 12D301Đ026 | Phạm Quốc      | Dũng  | 30/06/1993 | TP.HCM            | 7.0 | 6.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 89  | 13B3080010 | Nguyễn Tiến    | Dũng  | 24/10/1991 | Hà Tĩnh           | 7.5 | 6.0  | 6.8     | Trung bình |         |
| 90  | 12D301Đ025 | Đỗ Thanh       | Dũng  | 21/04/1991 | Đắk Lắk           | 6.5 | 8.0  | 7.3     | Khá        |         |
| 91  | 12D2050012 | Nguyễn Quốc    | Dũng  | 08/09/1994 | Đắk Lắk           | 9.0 | 5.0  | 7.0     | Trung bình |         |
| 92  | 12D301Đ030 | Hồ Sĩ          | Duy   | 27/08/1991 | TP.HCM            | 7.0 | 6.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 93  | 12D301Đ031 | Nguyễn         | Duy   | 22/10/1993 | Bình Thuận        | 8.5 | 6.0  | 7.3     | Khá        |         |
| 94  | 12D3010029 | Nguyễn Tấn     | Duy   | 28/02/1994 | Quảng Ngãi        | 8.0 | 8.0  | 8.0     | Giỏi       |         |
| 95  | 12D301Đ034 | Vũ Ngọc        | Duy   | 22/11/1994 | TP.HCM            | 6.0 | 6.0  | 6.0     | Trung bình |         |
| 96  | 12D2010023 | Nguyễn Văn     | Duy   | 05/07/1994 | Quảng Ngãi        | 6.0 | 5.0  | 5.5     | Trung bình |         |
| 97  | 13B3080100 | Nguyễn Hoàng   | Gia   | 17/09/1992 | Phú yên           | 8.0 | 5.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 98  | 12D2040034 | Phan Thị Hà    | Giang | 22/04/1994 | Ninh Thuận        | 8.0 | 5.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 99  | 12D2050019 | Nguyễn Hoàng   | Giang | 05/09/1994 | Tiền Giang        | 7.0 | 5.0  | 6.0     | Trung bình |         |

| STT | MSSV       | HỌ              | TÊN    | Ngày sinh  | NƠI SINH          | LT  | TH  | ĐIỂM TB | XẾP LOẠI   | GHI CHÚ |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|-------------------|-----|-----|---------|------------|---------|
| 100 | 12D3010036 | Lê Công         | Guim   | 10/07/1994 | Huế               | 6.0 | 4.0 | 5.0     | Trung bình |         |
| 101 | 12D301Đ050 | Nguyễn Hữu      | Hải    | 24/03/1994 | Bình Thuận        | 5.0 | 6.0 | 5.5     | Trung bình |         |
| 102 | 11D0010126 | Nguyễn Văn      | Hải    | 10/02/1992 | Bình Phước        | 6.5 | 6.5 | 6.5     | Trung bình |         |
| 103 | 12D3010037 | Ngô Quang       | Hải    | 20/08/1991 | Đắk Lắk           | 8.0 | 4.0 | 6.0     | Trung bình |         |
| 104 | 12D3010039 | Nguyễn Trọng    | Hải    | 12/11/1994 | TP.HCM            | 8.0 | 7.0 | 7.5     | Khá        |         |
| 105 | 12D2060018 | Nguyễn Văn      | Hào    | 19/09/1992 | Long An           | 5.5 | 5.0 | 5.3     | Trung bình |         |
| 106 | 12D301Đ052 | Hà Công         | Hậu    | 20/12/1994 | Bình Thuận        | 9.0 | 8.0 | 8.5     | Giỏi       |         |
| 107 | 12D301Đ054 | Trần Thanh      | Hậu    | 25/11/1993 | TP.HCM            | 7.0 | 5.0 | 6.0     | Trung bình |         |
| 108 | 13B2040008 | Lâm Văn         | Hết    | 1995       | Trà Vinh          | 8.0 | 7.0 | 7.5     | Khá        |         |
| 109 | 12D3010041 | Huỳnh Ngọc      | Hiền   | 22/09/1994 | TP.HCM            | 9.0 | 7.5 | 8.3     | Giỏi       |         |
| 110 | 12D2050023 | Nguyễn Văn      | Hiền   | 08/09/1994 | Ninh Thuận        | 8.0 | 8.0 | 8.0     | Giỏi       |         |
| 111 | 11D0010133 | Nguyễn Văn      | Hiền   | 27/12/1991 | Bình Thuận        | 5.0 | 5.0 | 5.0     | Trung bình |         |
| 112 | 13B3080023 | Nguyễn Thanh    | Hiền   | 20/06/1993 | Bình Thuận        | 7.5 | 5.0 | 6.3     | Trung bình |         |
| 113 | 13B2250023 | Bùi Duy         | Hiền   | 17/12/1994 | Gia Lai           | 7.0 | 6.0 | 6.5     | Trung bình |         |
| 114 | 12D3010044 | Trần Văn        | Hiệp   | 19/05/1994 | Hưng Yên          | 9.0 | 5.0 | 7.0     | Trung bình |         |
| 115 | 12D3010045 | Lê Xuân         | Hiếu   | 19/04/1993 | Quảng Trị         | 8.5 | 5.0 | 6.8     | Trung bình |         |
| 116 | 13B2040043 | Trần Duy        | Hiếu   | 02/05/1994 | Đồng Nai          | 7.5 | 7.0 | 7.3     | Khá        |         |
| 117 | 13B2250025 | Võ Trung        | Hiếu   | 07/11/1995 | Lâm Đồng          | 5.0 | 6.5 | 5.8     | Trung bình |         |
| 118 | 13B2040010 | Nguyễn Minh     | Hoàng  | 02/03/1993 | Bà Rịa - Vũng tàu | 7.0 | 6.0 | 6.5     | Trung bình |         |
| 119 | 13B2250027 | Nguyễn Minh     | Hoàng  | 20/11/1994 | Bình Thuận        | 7.5 | 6.0 | 6.8     | Trung bình |         |
| 120 | 13B3080025 | Hoàng Duy       | Hội    | 28/08/1991 | Bắc Giang         | 5.0 | 9.5 | 7.3     | Trung bình |         |
| 121 | 13B2050006 | Phạm Thị        | Huế    | 05/03/1994 | Hưng Yên          | 5.0 | 5.0 | 5.0     | Trung bình |         |
| 122 | 13B3150008 | Trần Đức        | Huệ    | 01/05/1993 | Nghệ An           | 5.0 | 5.0 | 5.0     | Trung bình |         |
| 123 | 13B2050005 | Huỳnh Thị       | Huệ    | 10/01/1994 | Huế               | 6.5 | 5.0 | 5.8     | Trung bình |         |
| 124 | 12D2060024 | Trần Bá         | Hùng   | 06/09/1993 | TP.HCM            | 5.0 | 5.5 | 5.3     | Trung bình |         |
| 125 | 12D301Đ065 | Nguyễn Phát     | Hưng   | 10/06/1994 | Bến Tre           | 7.0 | 7.0 | 7.0     | Khá        |         |
| 126 | 12D3010050 | Nguyễn Việt     | Hưng   | 01/02/1994 | TP.HCM            | 8.0 | 5.0 | 6.5     | Trung bình |         |
| 127 | 13B3080026 | Nguyễn Cảnh     | Hưng   | 31/10/1994 | Đồng Nai          | 8.5 | 6.0 | 7.3     | Khá        |         |
| 128 | 13B2050007 | Trần Thị Mỹ     | Hường  | 22/12/1993 | Bình Định         | 7.5 | 5.0 | 6.3     | Trung bình |         |
| 129 | 12D2010069 | Đặng Văn        | Hữu    | 12/04/1993 | Tây Ninh          | 9.0 | 3.0 | 6.0     | Trung bình |         |
| 130 | 12D301Đ070 | Vũ Anh          | Huy    | 16/05/1994 | Vũng Tàu          | 8.0 | 4.0 | 6.0     | Trung bình |         |
| 131 | 12D3010053 | Mạch Minh       | Huy    | 01/10/1994 | TP.HCM            | 7.5 | 9.0 | 8.3     | Giỏi       |         |
| 132 | 12D2050031 | Nguyễn Ngọc     | Huy    | 03/10/1993 | Đồng Nai          | 6.0 | 4.0 | 5.0     | Trung bình |         |
| 133 | 13B3080030 | Lê Quốc         | Huy    | 10/10/1992 | Bình Thuận        | 5.0 | 5.5 | 5.3     | Trung bình |         |
| 134 | 13B2050008 | Lê Thị Ngọc     | Huyền  | 10/01/1994 | An Giang          | 7.0 | 6.0 | 6.5     | Trung bình |         |
| 135 | 12D3010056 | Trần Ngọc       | Kha    | 08/08/1994 | Bình Thận         | 7.5 | 4.0 | 5.8     | Trung bình |         |
| 136 | 12D2050035 | Trần Cao        | Khả    | 15/11/1993 | Cần Thơ           | 6.0 | 7.0 | 6.5     | Trung bình |         |
| 137 | 12D3010057 | Hoàng Trường    | Khanh  | 19/02/1994 | Đồng Nai          | 7.5 | 5.0 | 6.3     | Trung bình |         |
| 138 | 12D2060027 | Nguyễn Đình     | Khánh  | 10/09/1994 | Vĩnh Phúc         | 6.0 | 6.0 | 6.0     | Trung bình |         |
| 139 | 12D2060029 | Đoàn Văn        | Khoa   | 08/02/1994 | Khánh Hòa         | 5.0 | 5.0 | 5.0     | Trung bình |         |
| 140 | 13B3150010 | Nguyễn Thành    | Khương | 21/03/1995 | Sông Bé           | 6.0 | 5.0 | 5.5     | Trung bình |         |
| 141 | 12D2010081 | Phan Quốc       | Kiệt   | 23/02/1994 | Bến Tre           | 7.0 | 5.0 | 6.0     | Trung bình |         |
| 142 | 12D3010066 | La Tuấn         | Kiệt   | 20/11/1994 | TP.HCM            | 9.5 | 7.0 | 8.3     | Giỏi       |         |
| 143 | 13B3080034 | Lê Quang        | Kính   | 27/01/1994 | Vũng Tàu          | 8.0 | 5.5 | 6.8     | Trung bình |         |
| 144 | 13B2050028 | Võ Kim          | Lài    | 09/07/1994 | Cà Mau            | 7.5 | 5.0 | 6.3     | Trung bình |         |
| 145 | 12D3010068 | Lương Trọng     | Lập    | 05/08/1994 | Quảng Ngãi        | 7.5 | 5.0 | 6.3     | Trung bình |         |
| 146 | 12D2040014 | Nguyễn Thị      | Linh   | 12/02/1992 | Bình Thuận        | 8.0 | 3.5 | 5.8     | Trung bình |         |
| 147 | 13B3080039 | Hoàng Ngọc      | Linh   | 06/11/1995 | Thái Bình         | 8.5 | 6.0 | 7.3     | Khá        |         |
| 148 | 13B2050009 | Nguyễn Thị Ái   | Linh   | 08/11/1994 | Đồng Nai          | 6.5 | 4.0 | 5.3     | Trung bình |         |
| 149 | 12D2040015 | Nguyễn Thị Cẩm  | Linh   | 06/10/1994 | Quảng Ngãi        | 7.0 | 7.0 | 7.0     | Khá        |         |
| 150 | 13B2050010 | Nguyễn Thị Ngọc | Linh   | 22/07/1994 | Kiên Giang        | 6.5 | 4.0 | 5.3     | Trung bình |         |
| 151 | 12D3010072 | Nguyễn Tài      | Lợi    | 16/10/1993 | TP.HCM            | 8.0 | 6.0 | 7.0     | Khá        |         |
| 152 | 12D2050042 | Phạm Minh       | Long   | 19/08/1994 | Phú Quốc          | 6.0 | 5.0 | 5.5     | Trung bình |         |
| 153 | 12D301Đ076 | Võ Lý           | Long   | 30/12/1994 | Bình Định         | 7.5 | 3.0 | 5.3     | Trung bình |         |
| 154 | 12D301Đ078 | Lê Thành        | Luân   | 04/01/1994 | TP.HCM            | 5.0 | 9.0 | 7.0     | Trung bình |         |

| STT | MSSV       | HỌ                   | TÊN    | Ngày sinh  | NƠI SINH   | LT  | TH   | ĐIỂM TB | XẾP LOẠI   | GHI CHÚ |
|-----|------------|----------------------|--------|------------|------------|-----|------|---------|------------|---------|
| 155 | 12D301D079 | Nguyễn Minh          | Luân   | 10/06/1994 | Tây Ninh   | 7.0 | 3.0  | 5.0     | Trung bình |         |
| 156 | 12D2010095 | Hoàng Văn            | Lục    | 28/09/1994 | Nghệ An    | 7.0 | 3.0  | 5.0     | Trung bình |         |
| 157 | 12D3010078 | Nguyễn Chí Bình      | Minh   | 17/12/1991 | TP.HCM     | 9.5 | 9.0  | 9.3     | Giỏi       |         |
| 158 | 13B2250045 | Lê Hồng              | Minh   | 20/04/1995 | Đồng Nai   | 8.0 | 3.0  | 5.5     | Trung bình |         |
| 159 | 12D301D083 | Trần Kim             | Minh   | 19/08/1994 | Bình Thuận | 8.5 | 5.5  | 7.0     | Trung bình |         |
| 160 | 12D2010100 | Trần Hoài            | Nam    | 02/08/1994 | Long An    | 6.5 | 5.0  | 5.8     | Trung bình |         |
| 161 | 12D301D084 | Ngô Anh              | Nam    | 06/11/1993 | Kiên Giang | 9.0 | 5.0  | 7.0     | Trung bình |         |
| 162 | 12D2040016 | Nguyễn Thị           | Nam    | 08/06/1994 | Nghệ An    | 5.5 | 5.0  | 5.3     | Trung bình |         |
| 163 | 12D2060046 | Đỗ Hoàng             | Nam    | 15/08/1994 | Long An    | 5.0 | 5.0  | 5.0     | Trung bình |         |
| 164 | 12D2040018 | Nguyễn Thị Thúy      | Nga    | 20/04/1994 | Bình Định  | 7.0 | 5.0  | 6.0     | Trung bình |         |
| 165 | 13B2050012 | Trần Thị Kim         | Ngân   | 03/06/1991 | Lâm Đồng   | 5.5 | 8.0  | 6.8     | Trung bình |         |
| 166 | 12D3010082 | Nguyễn Tiến          | Ngọc   | 28/10/1994 | TP.HCM     | 8.0 | 7.0  | 7.5     | Khá        |         |
| 167 | 12D2040019 | Phạm Thị Thảo        | Nguyễn | 24/04/1994 | Tiền Giang | 7.5 | 5.0  | 6.3     | Trung bình |         |
| 168 | 12D301D094 | Phạm                 | Nhàn   | 10/01/1994 | Quảng Ngãi | 9.0 | 10.0 | 9.5     | Giỏi       |         |
| 169 | 12D301D096 | Huỳnh Hữu            | Nhất   | 19/07/1994 | Bình Định  | 7.5 | 5.5  | 6.5     | Trung bình |         |
| 170 | 12D2050050 | Trần Phúc            | Nhơn   | 16/02/1994 | Bình Định  | 8.5 | 8.0  | 8.3     | Giỏi       |         |
| 171 | 13B2040019 | Huỳnh Nguyễn Minh    | Nhựt   | 15/12/1995 | TP.HCM     | 7.0 | 5.5  | 6.3     | Trung bình |         |
| 172 | 13B3080049 | Đào Văn              | Phấn   | 24/09/1995 | Quảng Ngãi | 6.5 | 5.0  | 5.8     | Trung bình |         |
| 173 | 12D301D102 | Nguyễn Hồng          | Phát   | 14/05/1994 | Long An    | 8.0 | 7.0  | 7.5     | Khá        |         |
| 174 | 12D3010089 | Tô Tấn               | Phát   | 19/08/1994 | Bình Định  | 7.5 | 9.0  | 8.3     | Giỏi       |         |
| 175 | 11D0030084 | Đặng                 | Phát   | 22/02/1993 | TP.HCM     | 6.5 | 4.0  | 5.3     | Trung bình |         |
| 176 | 12D3010090 | Mai Lê Hoàng         | Phi    | 20/11/1994 | Thái Bình  | 8.0 | 10.0 | 9.0     | Giỏi       |         |
| 177 | 12D301D109 | Nguyễn Việt Hải      | Phong  | 05/12/1993 | Đồng Nai   | 7.0 | 4.0  | 5.5     | Trung bình |         |
| 178 | 12D3010091 | Mong Hoàng           | Phong  | 05/11/1994 | TP.HCM     | 9.5 | 6.0  | 7.8     | Khá        |         |
| 179 | 12D2050053 | Nguyễn Ngọc          | Phú    | 08/10/1994 | Đồng Nai   | 7.5 | 7.0  | 7.3     | Khá        |         |
| 180 | 12D3010094 | Nguyễn Hồng          | Phúc   | 16/06/1995 | Tây Ninh   | 9.5 | 9.5  | 9.5     | Giỏi       |         |
| 181 | 13B3080054 | Nguyễn Hữu           | Phước  | 04/02/1995 | Vĩnh Long  | 7.0 | 5.0  | 6.0     | Trung bình |         |
| 182 | 12D2010115 | Bùi Thiên            | Phước  | 20/10/1994 | Tp.HCM     | 5.5 | 7.0  | 6.3     | Trung bình |         |
| 183 | 13B2250100 | Nguyễn Văn           | Phượng | 20/08/1991 | Hưng Yên   | 6.5 | 5.0  | 5.8     | Trung bình |         |
| 184 | 13B2050022 | Nguyễn Anh           | Phượng | 08/02/1991 | Tây Ninh   | 6.5 | 8.5  | 7.5     | Khá        |         |
| 185 | 13B3080057 | Trương Văn           | Phượng | 07/05/1993 | Bình Thuận | 5.5 | 5.0  | 5.3     | Trung bình |         |
| 186 | 13B2050013 | Nguyễn Thị           | Phượng | 01/07/1992 | Huế        | 6.0 | 6.5  | 6.3     | Trung bình |         |
| 187 | 13B2050014 | Võ Thị Kim           | Phượng | 04/10/1995 | Quảng Ngãi | 9.0 | 6.0  | 7.5     | Khá        |         |
| 188 | 12D3010101 | Huỳnh Tuyết          | Quan   | 17/09/1994 | Đồng Nai   | 9.0 | 8.0  | 8.5     | Giỏi       |         |
| 189 | 13B3080058 | Nguyễn Hoàng         | Quân   | 09/03/1994 | TP.HCM     | 7.0 | 6.5  | 6.8     | Trung bình |         |
| 190 | 12D2010122 | Nguyễn Duy           | Quang  | 19/05/1994 | Bình Thuận | 5.0 | 8.5  | 6.8     | Trung bình |         |
| 191 | 12D2050060 | Huỳnh Tấn            | Qui    | 05/06/1993 | Quảng Ngãi | 7.0 | 5.0  | 6.0     | Trung bình |         |
| 192 | 13B3080060 | Nguyễn Minh          | Quy    | 30/05/1994 | Đồng Nai   | 8.0 | 7.0  | 7.5     | Khá        |         |
| 193 | 12D301D111 | Đặng                 | Quý    | 19/02/1994 | Bình Thuận | 7.5 | 4.0  | 5.8     | Trung bình |         |
| 194 | 13B3080061 | Nguyễn Văn           | Quý    | 07/04/1992 | Đắk Nông   | 6.5 | 4.0  | 5.3     | Trung bình |         |
| 195 | 12D3010107 | Ngô Thanh            | Sang   | 20/10/1994 | Bình Thuận | 7.0 | 8.0  | 7.5     | Khá        |         |
| 196 | 12D2060059 | Nguyễn Hoàng         | Sang   | 04/10/1994 | TP.HCM     | 6.0 | 6.5  | 6.3     | Trung bình |         |
| 197 | 13B2040023 | Phan Nguyễn Nam      | Sang   | 23/08/1990 | Quảng Nam  | 6.5 | 5.5  | 6.0     | Trung bình |         |
| 198 | 12D301D115 | Ông Dù               | Sén    | 19/11/1994 | An Giang   | 8.0 | 9.0  | 8.5     | Giỏi       |         |
| 199 | 12D3010111 | Chí Ngọc             | Sơn    | 16/09/1994 | Bình Thuận | 7.0 | 8.0  | 7.5     | Khá        |         |
| 200 | 12D3010098 | Hoàng Nguyễn Võ Quốc | Sơn    | 08/06/1994 | Bình Thuận | 8.0 | 5.5  | 6.8     | Trung bình |         |
| 201 | 11D0010306 | Bùi Tấn              | Tài    | 01/03/1993 | Bình Định  | 6.0 | 7.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 202 | 12D301D118 | Nguyễn Ngọc          | Tài    | 17/05/1994 | Bình Thuận | 7.0 | 9.5  | 8.3     | Giỏi       |         |
| 203 | 12D3010118 | Nguyễn Văn Bé        | Tám    | 22/04/1990 | Tiền Giang | 6.0 | 6.5  | 6.3     | Trung bình |         |
| 204 | 12D3010119 | Trần Ngọc Anh        | Tâm    | 24/09/1994 | TP.HCM     | 8.0 | 8.0  | 8.0     | Giỏi       |         |
| 205 | 12D301D119 | Nguyễn Hoàng         | Tâm    | 05/12/1994 | Ninh Thuận | 7.0 | 5.5  | 6.3     | Trung bình |         |
| 206 | 12D301D120 | Đỗ Như               | Tân    | 27/05/1992 | Đắk Lắk    | 8.0 | 6.5  | 7.3     | Khá        |         |
| 207 | 11D0070057 | Nguyễn Thanh         | Tân    | 12/10/1991 | Đồng Nai   | 6.0 | 5.0  | 5.5     | Trung bình |         |
| 208 | 12D2050062 | Trần Văn             | Tân    | 05/03/1993 | Huế        | 8.0 | 7.0  | 7.5     | Khá        |         |
| 209 | 12D3010123 | Nguyễn Văn           | Tặng   | 28/12/1994 | Tiền Giang | 8.0 | 9.0  | 8.5     | Giỏi       |         |

| STT | MSSV       | HỌ              | TÊN    | Ngày sinh  | NƠI SINH          | LT  | TH   | ĐIỂM TB | XẾP LOẠI   | GHI CHÚ |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|-------------------|-----|------|---------|------------|---------|
| 210 | 12D3010124 | Nguyễn Thanh    | Tàu    | 24/10/1994 | Bình Định         | 7.5 | 10.0 | 8.8     | Giỏi       |         |
| 211 | 12D3010126 | Phạm Ngọc       | Thạch  | 10/03/1994 | Lâm Đồng          | 8.5 | 5.0  | 6.8     | Trung bình |         |
| 212 | 12D2010146 | Nguyễn Hồng     | Thái   | 19/11/1992 | Phú Thọ           | 6.5 | 8.0  | 7.3     | Khá        |         |
| 213 | 12D3010128 | Phạm Văn        | Thái   | 09/06/1993 | Kiên Giang        | 7.0 | 9.5  | 8.3     | Giỏi       |         |
| 214 | 12D2060065 | Bùi Văn         | Thân   | 17/02/1993 | Bình Định         | 6.0 | 6.0  | 6.0     | Trung bình |         |
| 215 | 12D2010149 | Mai Minh        | Thăng  | 14/03/1994 | Đắk Lắk           | 5.5 | 8.5  | 7.0     | Trung bình |         |
| 216 | 12D2010148 | Hồ Đức          | Thắng  | 24/12/1994 | Bình Định         | 6.0 | 6.5  | 6.3     | Trung bình |         |
| 217 | 13B3080066 | Nguyễn Đức      | Thắng  | 03/03/1995 | Thanh Hóa         | 8.0 | 5.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 218 | 12D2060008 | Bùi Văn         | Thắng  | 02/07/1994 | Tp.HCM            | 7.5 | 7.0  | 7.3     | Khá        |         |
| 219 | 12D2010152 | Giáp Văn        | Thanh  | 03/08/1993 | Bắc Giang         | 6.5 | 7.0  | 6.8     | Trung bình |         |
| 220 | 12D3010134 | Nguyễn Hải Kỳ   | Thanh  | 15/09/1994 | Đồng Nai          | 8.0 | 9.0  | 8.5     | Giỏi       |         |
| 221 | 12D2040023 | Nguyễn Thị Yến  | Thanh  | 20/10/1994 | Bà Rịa - Vũng tàu | 7.5 | 9.0  | 8.3     | Giỏi       |         |
| 222 | 12D2040024 | Phạm Thị        | Thanh  | 20/11/1992 | Hà Nam            | 7.5 | 8.5  | 8.0     | Giỏi       |         |
| 223 | 13B3080094 | Nguyễn Tuấn     | Thanh  | 15/07/1993 | TP.HCM            | 7.0 | 5.5  | 6.3     | Trung bình |         |
| 224 | 13B2050016 | Lê Thị Kim      | Thanh  | 20/11/1994 | Bình Thuận        | 5.0 | 9.5  | 7.3     | Trung bình |         |
| 225 | 12D2010158 | Võ Đức          | Thành  | 20/04/1993 | Đắk Lắk           | 6.5 | 9.5  | 8.0     | Khá        |         |
| 226 | 12D301Đ126 | Nguyễn Văn      | Thành  | 02/12/1994 | Bình Định         | 7.0 | 10.0 | 8.5     | Giỏi       |         |
| 227 | 12D3010133 | Huỳnh Minh      | Thành  | 22/09/1994 | TP.HCM            | 7.5 | 8.5  | 8.0     | Giỏi       |         |
| 228 | 12D2060068 | Trần Minh       | Thảo   | 16/03/1994 | Bình Thuận        | 6.0 | 9.5  | 7.8     | Khá        |         |
| 229 | 13B2250074 | Bùi Vũ          | Thị    | 07/09/1994 | Lâm Đồng          | 8.0 | 8.0  | 8.0     | Giỏi       |         |
| 230 | 13B3080070 | Mai Quý         | Thiện  | 23/09/1989 | TP.HCM            | 5.0 | 8.5  | 6.8     | Trung bình |         |
| 231 | 12D301Đ132 | Võ Văn          | Thiệt  | 19/01/1994 | Bình Thuận        | 7.5 | 5.0  | 6.3     | Trung bình |         |
| 232 | 13B2250077 | Nguyễn Quốc     | Thịnh  | 29/08/1992 | TP.HCM            | 6.5 | 6.0  | 6.3     | Trung bình |         |
| 233 | 13B3080097 | Hoàng Quang     | Thọ    | 10/07/1993 | Cao Bằng          | 7.5 | 7.5  | 7.5     | Khá        |         |
| 234 | 12D2060069 | Thân Hải        | Thọ    | 21/10/1989 | Long An           | 5.0 | 8.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 235 | 12D2060070 | Trần Minh       | Thơm   | 16/03/1994 | Bình Thuận        | 6.5 | 9.0  | 7.8     | Khá        |         |
| 236 | 12D3010144 | Mai Hoài        | Thư    | 23/09/1994 | Đồng Tháp         | 8.5 | 5.0  | 6.8     | Trung bình |         |
| 237 | 12D2050074 | Nguyễn Hoàng    | Thuận  | 22/07/1994 | Long An           | 8.5 | 5.5  | 7.0     | Trung bình |         |
| 238 | 12D2050075 | Nguyễn Thanh    | Thuận  | 20/02/1993 | Tp.HCM            | 7.0 | 5.0  | 6.0     | Trung bình |         |
| 239 | 12D3010145 | Lê Hoàng        | Thức   | 10/03/1993 | Bình Phước        | 9.0 | 5.5  | 7.3     | Trung bình |         |
| 240 | 12D301Đ138 | Nguyễn Văn      | Thương | 15/08/1994 | Quảng Ngãi        | 7.0 | 8.5  | 7.8     | Khá        |         |
| 241 | 13B3080076 | Phạm Văn        | Thương | 02/05/1995 | Quảng Bình        | 5.0 | 8.5  | 6.8     | Trung bình |         |
| 242 | 12D2050076 | Lê Hoàng        | Thy    | 07/01/1994 | Bình Dương        | 5.5 | 8.5  | 7.0     | Trung bình |         |
| 243 | 11D0030147 | Hồ Nhật         | Tiến   | 06/04/1991 | Bình Phước        | 7.5 | 5.5  | 6.5     | Trung bình |         |
| 244 | 12D301Đ143 | Tô Văn          | Tính   | 01/01/1991 | Đồng Tháp         | 6.0 | 9.5  | 7.8     | Khá        |         |
| 245 | 13B2250081 | Đinh Hùng       | Tính   | 15/07/1994 | Kiên Giang        | 7.5 | 5.0  | 6.3     | Trung bình |         |
| 246 | 13B3150031 | Bùi Thiện       | Toàn   | 28/07/1995 | TP.HCM            | 8.0 | 9.0  | 8.5     | Giỏi       |         |
| 247 | 13B2250105 | Phan            | Toàn   | 16/06/1994 | Ninh Thuận        | 7.0 | 9.5  | 8.3     | Giỏi       |         |
| 248 | 12D3010149 | Nguyễn Đức      | Toàn   | 16/03/1994 | Đắk Nông          | 8.0 | 5.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 249 | 12D2060072 | Nguyễn Đức      | Toàn   | 15/01/1994 | TP.HCM            | 8.0 | 5.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 250 | 13B3080078 | Châu Quốc       | Toàn   | 12/01/1995 | Đắk Lắk           | 7.0 | 7.0  | 7.0     | Khá        |         |
| 251 | 13B3080095 | Bùi Việt        | Tòng   | 03/04/1995 | Quảng Ngãi        | 6.0 | 7.0  | 6.5     | Trung bình |         |
| 252 | 12D2050082 | Huỳnh Thanh     | Trà    | 02/06/1994 | Tiền Giang        | 8.0 | 8.5  | 8.3     | Giỏi       |         |
| 253 | 12D2040029 | Dương Thị Xuân  | Trang  | 07/07/1994 | Bến Tre           | 8.0 | 8.0  | 8.0     | Giỏi       |         |
| 254 | 12D2040030 | Nguyễn Thị Thùy | Trang  | 25/07/1992 | TP.HCM            | 6.5 | 9.0  | 7.8     | Khá        |         |
| 255 | 12D3010150 | Nguyễn Minh     | Trí    | 13/06/1994 | Long An           | 9.0 | 8.0  | 8.5     | Giỏi       |         |
| 256 | 13B3080082 | Phan Minh       | Trí    | 10/12/1995 | Bình Thuận        | 7.0 | 9.0  | 8.0     | Giỏi       |         |
| 257 | 12D2050083 | Hoàng Lê Minh   | Trí    | 24/11/1994 | Bình Thuận        | 6.5 | 8.0  | 7.3     | Khá        |         |
| 258 | 12D301Đ148 | Nguyễn Thanh    | Triệu  | 14/07/1994 | Vĩnh Long         | 9.0 | 8.5  | 8.8     | Giỏi       |         |
| 259 | 13B3150022 | Ngô Văn Minh    | Trong  | 27/06/1992 | Long An           | 6.5 | 9.5  | 8.0     | Khá        |         |
| 260 | 12D2010178 | Nguyễn Quốc     | Trọng  | 29/11/1994 | TP.HCM            | 7.0 | 8.5  | 7.8     | Khá        |         |
| 261 | 12D301Đ150 | Nguyễn Hữu      | Trọng  | 28/01/1994 | Bình Thuận        | 8.5 | 7.0  | 7.8     | Khá        |         |
| 262 | 12D3010156 | Nguyễn Hoài     | Trọng  | 20/11/1994 | Bến Tre           | 5.5 | 5.5  | 5.5     | Trung bình |         |
| 263 | 12D3010157 | Nguyễn Trung    | Trực   | 02/11/1994 | Đồng Tháp         | 8.0 | 7.0  | 7.5     | Khá        |         |
| 264 | 12D301Đ152 | Huỳnh Ngọc      | Trung  | 24/12/1994 | Ninh Thuận        | 9.0 | 8.0  | 8.5     | Giỏi       |         |

| STT | MSSV       | HỌ                | TÊN    | Ngày sinh  | NOI SINH          | LT  | TH  | ĐIỂM TB | XẾP LOẠI   | GHI CHÚ |
|-----|------------|-------------------|--------|------------|-------------------|-----|-----|---------|------------|---------|
| 265 | 12D301Đ156 | Võ Anh            | Trung  | 24/04/1994 | Tiền Giang        | 8.0 | 9.0 | 8.5     | Giỏi       |         |
| 266 | 12D3010158 | Trần Đức          | Trung  | 28/03/1994 | Quảng Ngãi        | 6.5 | 8.0 | 7.3     | Khá        |         |
| 267 | 12D2050086 | Trần Minh         | Trung  | 05/07/1994 | Đồng Tháp         | 7.0 | 5.0 | 6.0     | Trung bình |         |
| 268 | 12D3010161 | Nguyễn Thanh      | Trường | 21/08/1994 | Bình Thuận        | 8.5 | 8.5 | 8.5     | Giỏi       |         |
| 269 | 12D3010162 | Trần Công Quốc    | Trường | 15/11/1993 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 8.5 | 8.0 | 8.3     | Giỏi       |         |
| 270 | 12D3010163 | Phạm Văn          | Truyền | 27/05/1994 | Sóc Trăng         | 8.5 | 8.5 | 8.5     | Giỏi       |         |
| 271 | 12D2050087 | Lê Xuân           | Tú     | 10/02/1994 | Bình Định         | 6.5 | 5.0 | 5.8     | Trung bình |         |
| 272 | 12D2060085 | Trần Anh          | Tú     | 17/07/1994 | Tp.HCM            | 5.0 | 7.0 | 6.0     | Trung bình |         |
| 273 | 11D0010265 | Lê Trần Quốc      | Tuấn   | 01/04/1993 | Sông Bé           | 7.0 | 7.5 | 7.3     | Khá        |         |
| 274 | 11D0010078 | Huỳnh Anh         | Tuấn   | 16/04/1993 | Long An           | 7.5 | 8.0 | 7.8     | Khá        |         |
| 275 | 12D3010165 | Lê Hoàng          | Tuấn   | 25/09/1994 | Bình Phước        | 5.0 | 7.5 | 6.3     | Trung bình |         |
| 276 | 11D0060190 | Trần Cảnh         | Tuấn   | 20/05/1993 | Bình Thuận        | 5.0 | 5.0 | 5.0     | Trung bình |         |
| 277 | 12D2060087 | Nguyễn Thanh      | Tuấn   | 23/05/1985 | TP.HCM            | 6.0 | 7.0 | 6.5     | Trung bình |         |
| 278 | 13B2040038 | Võ Quốc           | Tuấn   | 04/08/1994 | Tây Ninh          | 6.0 | 7.0 | 6.5     | Trung bình |         |
| 279 | 13B2250084 | Đào Ngọc          | Tuấn   | 13/02/1995 | Ninh Thuận        | 7.0 | 5.0 | 6.0     | Trung bình |         |
| 280 | 11D0030422 | Đỗ Quốc           | Tuấn   | 26/02/1993 | Bình Phước        | 7.0 | 6.0 | 6.5     | Trung bình |         |
| 281 | 12D2050089 | Nguyễn Văn        | Tùng   | 29/11/1993 | Đắk Lắk           | 6.5 | 5.0 | 5.8     | Trung bình |         |
| 282 | 13B2050020 | Huỳnh Thị Thanh   | Tuyền  | 19/12/1995 | Quảng Ngãi        | 8.0 | 5.0 | 6.5     | Trung bình |         |
| 283 | 12D2040031 | Ngô Thị Ngọc      | Tuyết  | 14/03/1994 | TP.HCM            | 8.0 | 8.5 | 8.3     | Giỏi       |         |
| 284 | 13B2050021 | Nguyễn Thị        | Tuyết  | 1994       | Đồng Nai          | 5.0 | 5.0 | 5.0     | Trung bình |         |
| 285 | 12D301Đ164 | Võ Văn            | Tý     | 10/09/1993 | Huế               | 8.0 | 5.0 | 6.5     | Trung bình |         |
| 286 | 11D0010304 | Trần Anh          | Văn    | 28/08/1993 | Bình Định         | 5.5 | 7.5 | 6.5     | Trung bình |         |
| 287 | 12D2010189 | Lê Ngọc           | Vàng   | 07/12/1993 | Bình Định         | 7.0 | 8.0 | 7.5     | Khá        |         |
| 288 | 12D2040032 | Nguyễn Thị Ngọc   | Viên   | 21/02/1994 | Đắk Lắk           | 7.5 | 9.0 | 8.3     | Giỏi       |         |
| 289 | 12D301Đ165 | Trần Quốc         | Việt   | 19/09/1994 | An Giang          | 7.0 | 6.0 | 6.5     | Trung bình |         |
| 290 | 12D301Đ166 | Dương Quang       | Vinh   | 15/07/1994 | Quảng Ngãi        | 7.5 | 8.5 | 8.0     | Giỏi       |         |
| 291 | 12D3010174 | Trần Văn          | Vinh   | 03/09/1994 | TP.HCM            | 8.5 | 9.0 | 8.8     | Giỏi       |         |
| 292 | 12D301Đ170 | Trần Thanh        | Vũ     | 20/06/1992 | Phú Quốc          | 9.0 | 5.5 | 7.3     | Trung bình |         |
| 293 | 12D3010175 | Nguyễn Tăng       | Vũ     | 06/07/1994 | Ninh Thuận        | 6.5 | 7.0 | 6.8     | Trung bình |         |
| 294 | 13B2250090 | Hoàng Quốc        | Vũ     | 08/07/1993 | Đồng Nai          | 6.0 | 9.0 | 7.5     | Khá        |         |
| 295 | 12D301Đ168 | Nguyễn Hoài Phong | Vũ     | 18/11/1994 | Ninh Thuận        | 8.0 | 7.0 | 7.5     | Khá        |         |
| 296 | 12D3010178 | Nguyễn Ngọc       | Vượng  | 20/02/1993 | Quảng Ngãi        | 6.0 | 7.0 | 6.5     | Trung bình |         |
| 297 | 12D2060097 | Trần Huy          | Vượng  | 03/01/1993 | Kiên Giang        | 6.0 | 9.0 | 7.5     | Khá        |         |

(Danh sách có 297 học viên)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24. tháng 7. năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc